

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

HỎI - ĐÁP LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 9 thông qua vào ngày 25/6/2025 (viết tắt là Luật Ngân sách nhà nước năm 2025) trên cơ sở tiếp thu Luật ngân sách nhà nước năm 2002 và năm 2015. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 đã sửa đổi, bổ sung các thiết chế quan trọng, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; nhằm bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, ổn định các cân đối lớn của nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung.

Để các tổ chức, cá nhân hiểu được rõ hơn các quy định pháp luật về Luật ngân sách nhà nước. Sở Tư pháp tỉnh Tuyền Quang biên soạn tài liệu hỏi – đáp tuyên truyền nội dung pháp luật về Luật ngân sách nhà nước năm 2025, như sau:

1. Hỏi: Ngân sách nhà nước là gì? Các từ ngữ liên quan đến ngân sách nhà nước được giải thích như thế nào?

Đáp: Khoản 17 Điều 4 Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định: “17. Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước”.

Cùng với đó Điều 4 Luật ngân sách nhà nước năm 2025 đã giải thích các từ ngữ liên quan đến ngân sách nhà nước như sau:

1. Bội chi ngân sách nhà nước bao gồm bội chi ngân sách trung ương và bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh. Bội chi ngân sách trung ương được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng chi ngân sách trung ương không bao gồm trả nợ gốc và tổng thu ngân sách trung ương không bao gồm vay. Bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh là tổng hợp bội chi ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương, được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng chi ngân sách cấp tỉnh

không bao gồm trả nợ gốc và tổng thu ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương không bao gồm vay.

2. Chi dự trữ quốc gia là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước để mua hàng dự trữ quốc gia; chi hoạt động nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

3. Chi đầu tư phát triển là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, gồm chi đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

4. Chi viện trợ là nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại, hợp tác phát triển của Nhà nước, Chính phủ Việt Nam với nước ngoài và địa phương của Việt Nam với địa phương nước ngoài; cứu trợ nhân đạo, hỗ trợ khẩn cấp cho nước ngoài theo quy định của pháp luật.

5. Chi thường xuyên là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước nhằm bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước, tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức khác và thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

6. Chi trả nợ lãi là nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh để thanh toán các khoản lãi, phí và chi phí khác phát sinh do hoạt động vay nợ của ngân sách cấp mình (không bao gồm lãi, phí và chi phí khác từ việc vay về cho đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp vay lại).

7. Trả nợ gốc là nhiệm vụ của ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh thanh toán nợ gốc các khoản vay của ngân sách cấp mình (không bao gồm trả nợ gốc các khoản vay về cho đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp vay lại). Trả nợ gốc không tổng hợp vào chi cân đối ngân sách của từng cấp ngân sách.

8. Dự phòng ngân sách nhà nước là một khoản trong dự toán chi ngân sách chưa phân bổ đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định ở từng cấp ngân sách.

9. Cơ quan tài chính là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chuyên môn về tài chính, gồm: Bộ Tài chính, cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan tài chính cấp tỉnh) và phòng có chức năng tham mưu về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (cơ quan tài chính cấp xã).

10. Cơ quan thu ngân sách là cơ quan thuế, cơ quan hải quan và cơ quan khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước.

11. Đơn vị dự toán ngân sách là cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách.

12. Đơn vị dự toán cấp I là đơn vị dự toán ngân sách được Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách.

13. Đơn vị sử dụng ngân sách là đơn vị dự toán ngân sách được giao trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách.

14. Dự toán chi còn lại của cấp ngân sách là dự toán chi của cấp ngân sách đã được cấp có thẩm quyền quyết định nhưng hết năm ngân sách chưa phân bổ, sử dụng, bao gồm cả dự phòng (nếu có).

15. Kết dư ngân sách trung ương, kết dư ngân sách cấp tỉnh là chênh lệch lớn hơn giữa tổng thu ngân sách không bao gồm vay và tổng chi ngân sách không bao gồm trả nợ gốc sau khi kết thúc năm ngân sách.

16. Kết dư ngân sách cấp xã là chênh lệch lớn hơn giữa tổng thu ngân sách và tổng chi ngân sách sau khi kết thúc năm ngân sách.

18. Ngân sách trung ương là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp trung ương hưởng và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp trung ương.

19. Ngân sách địa phương là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp địa phương hưởng, thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp địa phương.

20. Phân cấp quản lý ngân sách là việc xác định phạm vi, trách nhiệm và quyền hạn của chính quyền các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách trong việc quản lý ngân sách nhà nước phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội.

21. Quỹ dự trữ tài chính là quỹ của Nhà nước, hình thành từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

22. Quỹ ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản tiền của Nhà nước, kể cả tiền vay có trên tài khoản của ngân sách nhà nước các cấp tại một thời điểm.

23. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước,

nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

24. Số bổ sung cân đối ngân sách là khoản bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới nhằm bảo đảm cho chính quyền cấp dưới cân đối ngân sách để thực hiện nhiệm vụ được giao.

25. Số bổ sung có mục tiêu là khoản bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để hỗ trợ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể.

2. Hỏi: Phạm vi ngân sách nhà nước được quy định như thế nào?

Đáp: Điều 5. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định Phạm vi ngân sách nhà nước như sau:

1. Thu ngân sách nhà nước bao gồm:

a) Toàn bộ các khoản thu từ thuế, lệ phí và các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện;

b) Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước cho Nhà nước, Chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương; các khoản tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

d) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi ngân sách nhà nước bao gồm:

a) Chi đầu tư phát triển;

b) Chi dự trữ quốc gia;

c) Chi thường xuyên;

d) Chi trả nợ lãi;

đ) Chi viện trợ;

e) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Bội chi ngân sách nhà nước.

4. Tổng mức vay của ngân sách nhà nước, bao gồm vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc của ngân sách nhà nước.

5. Nguồn trả nợ gốc vay của ngân sách nhà nước bao gồm các nguồn vay để trả nợ gốc; thu ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán; tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách; kết dư ngân sách nhà nước.

3. Hỏi: Nguyên tắc cân đối ngân sách nhà nước được quy định như thế nào?

Đáp: Điều 7. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nguyên tắc cân đối ngân sách nhà nước như sau:

1. Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể. Trường hợp có khoản thu cần gắn với nhiệm vụ chi cụ thể theo quy định của pháp luật thì được bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách để thực hiện. Việc ban hành chính sách thu ngân sách phải bảo đảm nguyên tắc cân đối ngân sách trong trung hạn, dài hạn và thực hiện các cam kết về hội nhập quốc tế.

2. Ngân sách nhà nước được cân đối theo nguyên tắc tổng số thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách phải lớn hơn tổng số chi thường xuyên và góp phần tích lũy ngày càng cao để chi đầu tư phát triển; trường hợp còn bội chi thì số bội chi phải nhỏ hơn số chi đầu tư phát triển, tiến tới cân bằng thu, chi ngân sách; trường hợp đặc biệt Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Vay để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên.

4. Bội chi ngân sách trung ương được bù đắp từ các nguồn sau đây:

a) Vay trong nước từ phát hành trái phiếu Chính phủ, công trái xây dựng Tổ quốc và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật;

b) Vay ngoài nước từ các khoản vay của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế và phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường quốc tế, không bao gồm các khoản vay về cho vay lại.

5. Bội chi ngân sách địa phương:

a) Chi ngân sách địa phương cấp tỉnh được bội chi; bội chi ngân sách địa phương chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định;

b) Bội chi ngân sách địa phương được bù đắp bằng các nguồn vay trong nước từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay lại từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật;

c) Bội chi ngân sách địa phương được tổng hợp vào bội chi ngân sách nhà nước và do Quốc hội quyết định.

6. Mức dư nợ vay của ngân sách địa phương:

a) Đối với các địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương, mức dư nợ vay không vượt quá 120% số dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp;

b) Đối với các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương, mức dư nợ vay không vượt quá 80% số dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp;

c) Trường hợp cần huy động vốn vay lớn hơn mức dư nợ vay quy định tại điểm a và điểm b khoản này để thực hiện dự án của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp xem xét, cho ý kiến để báo cáo Chính phủ xem xét, trình Quốc hội quyết định.

4. Hỏi: Nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước như thế nào?

Đáp: Điều 8. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước như sau:

1. Ngân sách nhà nước được quản lý thống nhất, tập trung dân chủ, hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch, công bằng; có phân công, phân cấp quản lý; gắn quyền hạn với trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

2. Toàn bộ các khoản thu, chi ngân sách phải được dự toán, tổng hợp đầy đủ vào ngân sách nhà nước.

3. Các khoản thu ngân sách thực hiện theo quy định của các luật về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách theo quy định của pháp luật.

4. Các khoản chi ngân sách chỉ được thực hiện khi có dự toán được cấp có thẩm quyền giao, trừ trường hợp tạm cấp ngân sách quy định tại Điều 53 của Luật

này¹ và phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

5. Bảo đảm ưu tiên bố trí ngân sách cho chi đầu tư phát triển để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ về phát triển kinh tế; phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giảm nghèo bền vững; phát triển nông nghiệp, nông thôn, y tế; chính sách dân tộc; thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và những chính sách quan trọng khác.

6. Bố trí ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh phí hoạt động của bộ máy nhà nước; các nghĩa vụ của nhà nước trong các cam kết quốc tế, cam kết với các nhà đầu tư.

7. Ngân sách nhà nước bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị, cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; hỗ trợ các tổ chức xã hội thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao.

8. Bảo đảm chi trả các khoản nợ lãi đến hạn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

¹ Điều 53 Luật ngân sách nhà nước năm 2025:

1. Việc tạm cấp ngân sách được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Vào đầu năm ngân sách, khi Quốc hội, Hội đồng nhân dân chưa quyết định dự toán ngân sách; hoặc Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân chưa giao dự toán ngân sách;
b) Trong năm ngân sách, phải trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh hoặc xác định lại dự toán ngân sách của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương.

2. Cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm thực hiện tạm cấp ngân sách cho các nhiệm vụ chi không thể trì hoãn sau đây:

a) Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương;
b) Chi nghiệp vụ phí và công vụ phí;
c) Chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới;
d) Một số khoản chi cần thiết khác để bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước, trừ các khoản mua sắm trang thiết bị, sửa chữa;
đ) Chi cho dự án chuyển tiếp thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; các dự án đầu tư chuyển tiếp quan trọng, cấp bách khác để khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.
3. Mức tạm cấp hằng tháng tối đa cho các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này không quá mức chi bình quân 01 tháng của năm trước.
4. Chi đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi từ nhà tài trợ chưa được dự toán hoặc vượt so với dự toán được giao, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi thực hiện và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

9. Việc quyết định đầu tư và chi đầu tư chương trình, nhiệm vụ, dự án có sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải phù hợp với Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật khác có liên quan.

10. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí cho các quỹ thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xây dựng chính sách, pháp luật theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước.

5. Hỏi: Dự phòng ngân sách nhà nước được quy định như thế nào?

Đáp: Điều 10. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định về dự phòng ngân sách nhà nước như sau:

1. Mức bố trí dự phòng từ 2% đến 5% tổng chi ngân sách mỗi cấp, trong đó chi của ngân sách cấp trên không bao gồm chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới, chi của ngân sách cấp dưới không bao gồm chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên (nếu có).

2. Dự phòng ngân sách nhà nước được sử dụng để:

a) Chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh; chi dự trữ quốc gia; nhiệm vụ đối ngoại đột xuất, cấp bách của Nhà nước; chia sẻ phần giảm doanh thu đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán;

b) Chi hỗ trợ cho ngân sách cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này;

c) Chi hỗ trợ địa phương khác theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 9 của Luật này².

3. Trường hợp sử dụng dự phòng ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều này để phân bổ cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn thực hiện theo quy định của Chính phủ.

4. Thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng ngân sách nhà nước:

² c) Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và một số nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác;

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định sử dụng dự phòng ngân sách trung ương, định kỳ báo cáo Chính phủ để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất;

b) Ủy ban nhân dân các cấp quyết định sử dụng dự phòng ngân sách cấp mình, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

6. Hỏi: Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định quỹ dự trữ tài chính như thế nào?

Đáp: Điều 11. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định luỹ dự trữ tài chính như sau:

1. Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập quỹ dự trữ tài chính từ các nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách, kết dư ngân sách, bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm theo khả năng cân đối ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật, số dư của quỹ dự trữ tài chính ở mỗi cấp không vượt quá 25% dự toán chi ngân sách hàng năm của cấp đó, không bao gồm chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên (nếu có).

2. Quỹ dự trữ tài chính được sử dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Cho ngân sách tạm ứng để đáp ứng các nhu cầu chi theo dự toán chi ngân sách khi nguồn thu chưa tập trung kịp và phải hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày tạm ứng;

b) Cho ngân sách sử dụng để đáp ứng nhu cầu chi của ngân sách trong trường hợp thu ngân sách nhà nước hoặc vay để bù đắp bội chi không đạt dự toán được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định hoặc để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán mà sau khi sắp xếp lại ngân sách, sử dụng hết dự phòng ngân sách mà vẫn chưa đủ nguồn, mức sử dụng trong năm tối đa không quá 70% số dư đầu năm của quỹ;

c) Tạm ứng cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án kết cấu hạ tầng quan trọng trên địa bàn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và phải hoàn trả trong vòng 36 tháng kể từ ngày tạm ứng; tổng các khoản tạm ứng tối đa không quá 50% số dư đầu năm của quỹ.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

7. Hỏi: Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định Điều kiện thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước như thế nào?

Đáp: Điều 12. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định điều kiện thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước như sau:

1. Thu ngân sách nhà nước phải được thực hiện theo quy định của Luật này, các luật về thuế, phí, lệ phí và quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Chi ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện khi đã có trong dự toán ngân sách được giao, trừ trường hợp tạm cấp ngân sách quy định tại Điều 53 của Luật này³ và đã được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định chi đáp ứng các điều kiện trong từng trường hợp sau đây:

a) Đối với chi đầu tư phát triển phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật khác có liên quan;

b) Đối với chi thường xuyên phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trường hợp cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí thì thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ và phù hợp với dự toán được giao tự chủ;

³ Điều 53 Luật ngân sách nhà nước năm 2025:

1. Việc tạm cấp ngân sách được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Vào đầu năm ngân sách, khi Quốc hội, Hội đồng nhân dân chưa quyết định dự toán ngân sách; hoặc Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân chưa giao dự toán ngân sách;

b) Trong năm ngân sách, phải trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh hoặc xác định lại dự toán ngân sách của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương.

2. Cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm thực hiện tạm cấp ngân sách cho các nhiệm vụ chi không thể trì hoãn sau đây:

a) Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương;

b) Chi nghiệp vụ phí và công vụ phí;

c) Chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới;

d) Một số khoản chi cần thiết khác để bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước, trừ các khoản mua sắm trang thiết bị, sửa chữa;

đ) Chi cho dự án chuyển tiếp thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; các dự án đầu tư chuyển tiếp quan trọng, cấp bách khác để khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.

3. Mức tạm cấp hằng tháng tối đa cho các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này không quá mức chi bình quân 01 tháng của năm trước.

4. Chi đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi từ nhà tài trợ chưa được dự toán hoặc vượt so với dự toán được giao, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi thực hiện và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

³ c) Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và một số nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác;

c) Đối với chi dự trữ quốc gia phải bảo đảm các điều kiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia;

d) Đối với những gói thầu thuộc các nhiệm vụ, chương trình, dự án cần phải lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp phải tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

đ) Đối với những khoản chi cho công việc thực hiện theo phương thức Nhà nước đặt hàng phải theo quy định pháp luật về giá do cấp có thẩm quyền ban hành, trừ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

8. Hỏi: Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định thế nào về kế toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước?

Đáp: Điều 13. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định về kế toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước như sau:

1. Thu, chi ngân sách nhà nước được hạch toán bằng Đồng Việt Nam. Trường hợp các khoản thu, chi ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán do cơ quan có thẩm quyền quy định để hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước tại thời điểm phát sinh.

2. Các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước phải được hạch toán kế toán, quyết toán đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ.

3. Kế toán và quyết toán ngân sách nhà nước được thực hiện thống nhất theo pháp luật về kế toán, mục lục ngân sách nhà nước và quy định của Luật này.

4. Chứng từ thu, chi ngân sách nhà nước được phát hành, sử dụng và quản lý theo quy định của pháp luật.

9. Hỏi: Năm ngân sách nhà nước được quy định như thế nào?

Đáp: Điều 14. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định về năm ngân sách như sau: Năm ngân sách bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

10. Hỏi: Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định về công khai ngân sách nhà nước như thế nào?

Đáp: Điều 15. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định công khai ngân sách nhà nước như sau:

1. Dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; kế hoạch tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch tài chính và quyết toán tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được công khai theo quy định sau đây:

a) Nội dung công khai:

Các cấp ngân sách công khai số liệu và báo cáo thuyết minh các tài liệu ngân sách (trừ số liệu chi tiết, báo cáo thuyết minh thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trữ quốc gia và các tài liệu, số liệu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) bao gồm: dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách, dự kiến kế hoạch tài chính năm của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách đã được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật này; tình hình thực hiện ngân sách nhà nước (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm); quyết toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn.

Các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí khác (nếu có); tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm); quyết toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách công khai kế hoạch tài chính đã được cấp có thẩm quyền giao, tình hình thực hiện kế hoạch tài chính (6 tháng, năm) và quyết toán tài chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Các chương trình, dự án đầu tư công thực hiện công khai theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Việc công khai được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên Cổng thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đối với các cơ quan, đơn vị có Cổng thông tin điện tử, yêu cầu bắt buộc phải công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

2. Công khai thủ tục ngân sách nhà nước:

a) Đối tượng phải thực hiện công khai bao gồm cơ quan thu ngân sách, cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước;

b) Nội dung công khai bao gồm: các quy định về quy trình, thủ tục kê khai, thu, nộp, miễn, giảm, gia hạn, khoan nợ, hoàn lại các khoản thu; tạm ứng, cấp phát, thanh toán ngân sách nhà nước;

c) Việc công khai được thực hiện bằng các hình thức niêm yết tại nơi giao dịch và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

3. Nội dung công khai phải bảo đảm đầy đủ theo các chỉ tiêu, biểu mẫu do Bộ Tài chính quy định.

4. Các đối tượng có trách nhiệm phải thực hiện công khai theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, nếu không thực hiện công khai đầy đủ, đúng hạn thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết về công khai ngân sách nhà nước.

11. Hỏi: Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định về Giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng như thế nào?

Đáp: Điều 16 Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định Giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng như sau:

1. Ngân sách nhà nước được giám sát bởi cộng đồng. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức việc giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng. Nội dung giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng bao gồm:

a) Việc chấp hành các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hằng năm;

c) Việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 15 của Luật này.

2. Chính phủ quy định chi tiết về giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng.

12. Hỏi: Kế hoạch tài chính 05 năm được quy định như thế nào?

Đáp: Điều 17. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định kế hoạch tài chính 05 năm như sau:

1. Kế hoạch tài chính 05 năm là kế hoạch tài chính được lập trong thời hạn 05 năm cùng với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm. Kế hoạch tài chính 05 năm xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể về tài chính, ngân sách; các định hướng lớn về tài chính - ngân sách; số thu và cơ cấu thu nội địa, thu dầu thô, thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu; số chi và cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi trả nợ lãi, viện trợ, chi thường xuyên; định hướng về bội chi ngân sách; giới hạn nợ nước ngoài của quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; các giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch.

2. Kế hoạch tài chính 05 năm được sử dụng để:

a) Thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, ngành, lĩnh vực và địa phương; cân đối, sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính công và ngân sách nhà nước trong trung hạn; thúc đẩy việc công khai, minh bạch ngân sách nhà nước;

b) Làm cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước;

c) Định hướng cho công tác lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

3. Kế hoạch tài chính 05 năm bao gồm kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia và kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

4. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia trình Chính phủ báo cáo Quốc hội; cơ quan tài chính cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương mình trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định cùng với thời điểm trình dự toán ngân sách năm đầu của kỳ kế hoạch.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm.

13. Hỏi: Các hành vi nào bị cấm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước?

Đáp: Điều 18. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định các hành vi bị cấm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước như sau:

1. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt hoặc thiếu trách nhiệm làm thiệt hại đến nguồn thu ngân sách nhà nước.

2. Thu sai quy định của pháp luật về thuế, phí và lệ phí và pháp luật về các khoản thu khác thuộc ngân sách; phân chia sai quy định nguồn thu giữa ngân sách

các cấp; giữ lại nguồn thu của ngân sách nhà nước sai chế độ; tự đặt ra các khoản thu trái với quy định của pháp luật.

3. Chi không có dự toán, trừ trường hợp tạm cấp ngân sách quy định tại Điều 53 của Luật này; chi không đúng dự toán ngân sách được giao; chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, không đúng mục đích; tự đặt ra các khoản chi trái với quy định của pháp luật.

4. Quyết định đầu tư, quyết định điều chỉnh chương trình, dự án có sử dụng vốn ngân sách nhà nước không đúng quy định của pháp luật về đầu tư công.

5. Thực hiện vay trái với quy định của pháp luật; vay vượt quá khả năng cân đối của ngân sách.

6. Sử dụng ngân sách nhà nước để cho vay, tạm ứng, góp vốn trái với quy định của pháp luật.

7. Trì hoãn việc chi ngân sách nhà nước khi đã bảo đảm các điều kiện chi theo quy định của pháp luật.

8. Hạch toán sai pháp luật về kế toán và mục lục ngân sách nhà nước.

9. Lập, trình dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước chậm so với thời hạn quy định.

10. Phê chuẩn, xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước sai quy định của pháp luật.

11. Xuất quỹ ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước mà khoản chi đó không có trong dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, trừ trường hợp tạm cấp ngân sách và ứng trước dự toán ngân sách năm sau quy định tại Điều 53 và Điều 59 của Luật này⁴.

⁴ Điều 53. Tạm cấp ngân sách

1. Việc tạm cấp ngân sách được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Vào đầu năm ngân sách, khi Quốc hội, Hội đồng nhân dân chưa quyết định dự toán ngân sách; hoặc Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân chưa giao dự toán ngân sách;
b) Trong năm ngân sách, phải trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh hoặc xác định lại dự toán ngân sách của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương.

2. Cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm thực hiện tạm cấp ngân sách cho các nhiệm vụ chi không thể trì hoãn sau đây:

a) Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương;

b) Chi nghiệp vụ phí và công vụ phí;

c) Chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới;

d) Một số khoản chi cần thiết khác để bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước, trừ các khoản mua sắm trang thiết bị, sửa chữa;

đ) Chi cho dự án chuyển tiếp thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; các dự án đầu tư chuyển tiếp quan trọng, cấp bách khác để khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.

12. Hành vi bị cấm khác trong lĩnh vực ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

14. Hỏi: Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội về ngân sách nhà nước như thế nào?

Đáp: Điều 19 Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội như sau:

1. Làm luật, nghị quyết và sửa đổi luật, nghị quyết trong lĩnh vực tài chính - ngân sách.

2. Quyết định chính sách cơ bản về tài chính - ngân sách; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ.

3. Quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia.

4. Quyết định dự toán ngân sách nhà nước:

a) Tổng số thu ngân sách nhà nước bao gồm thu nội địa, thu dầu thô, thu từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu, thu viện trợ không hoàn lại;

b) Tổng số chi ngân sách nhà nước bao gồm chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương; chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính; dự phòng ngân sách;

c) Bội chi ngân sách nhà nước bao gồm bội chi ngân sách trung ương và bội chi ngân sách địa phương, chi tiết từng địa phương; nguồn bù đắp bội chi ngân sách nhà nước;

d) Tổng mức vay của ngân sách nhà nước bao gồm vay để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước và vay để trả nợ gốc của ngân sách nhà nước;

đ) Nguồn trả nợ gốc vay của ngân sách trung ương.

3. Mức tạm cấp hằng tháng tối đa cho các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này không quá mức chi bình quân 01 tháng của năm trước.

4. Chi đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi từ nhà tài trợ chưa được dự toán hoặc vượt so với dự toán được giao, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi thực hiện và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

- Điều 59. Ứng trước dự toán ngân sách năm sau

1. Ngân sách các cấp được ứng trước dự toán ngân sách năm sau để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án quan trọng, cấp bách đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Mức ứng trước không vượt quá 30% tổng dự toán chi của chương trình, nhiệm vụ, dự án. Khi phân bổ dự toán ngân sách năm sau, phải bố trí đủ dự toán để thu hồi hết số đã ứng trước; không được ứng trước dự toán năm sau khi chưa thu hồi hết số ngân sách đã ứng trước.

2. Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí và điều kiện ứng trước dự toán ngân sách năm sau.

5. Quyết định phân bổ ngân sách trung ương:

a) Tổng số chi ngân sách trung ương bao gồm các khoản đã phân bổ chi tiết và các khoản chưa phân bổ chi tiết; chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính; dự phòng ngân sách;

b) Dự toán chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia, chi viện trợ của từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương;

c) Mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng địa phương bao gồm bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu.

6. Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách từng địa phương đối với các khoản thu quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật này⁵.

7. Quyết định chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

8. Quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật này⁶.

9. Phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.

⁵ 2. Các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương bao gồm:

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu);

b) Thuế thu nhập cá nhân;

c) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;

d) Thuế bảo vệ môi trường;

đ) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp phép thực hiện phân chia: ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách địa phương hưởng 30%;

e) Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng) thực hiện phân chia: ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách các địa phương hưởng 30%. Việc phân chia cho từng địa phương trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí trong từng giai đoạn do Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định;

g) Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý quy định tại điểm h khoản 1 Điều này, các địa phương không nhận bổ sung cân đối, ngân sách trung ương hưởng 20%; ngân sách địa phương hưởng 80%. Các địa phương nhận bổ sung cân đối, ngân sách trung ương hưởng 15%; ngân sách địa phương hưởng 85%;

⁶ Chính phủ lập dự toán điều chỉnh tổng thể ngân sách nhà nước trong trường hợp có biến động làm tăng mức vay, bội chi ngân sách nhà nước so với dự toán đã phân bổ cân phải điều chỉnh, trình Quốc hội quyết định. Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về dự toán điều chỉnh và nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao, Ủy ban nhân dân các cấp lập dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

10. Giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước, chính sách cơ bản về tài chính - ngân sách quốc gia, nghị quyết của Quốc hội về ngân sách nhà nước.

11. Bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao về lĩnh vực tài chính - ngân sách trái với Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội.

15. Hỏi: Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội như thế nào?

Đáp: Điều 20. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội như sau:

1. Ban hành pháp lệnh, nghị quyết về lĩnh vực tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật.

2. Cho ý kiến về dự án luật, nghị quyết và các báo cáo, dự án khác về lĩnh vực tài chính - ngân sách do Chính phủ trình Quốc hội.

3. Ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.

4. Cho ý kiến về các chế độ chi ngân sách quan trọng, phạm vi ảnh hưởng rộng, liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước do Chính phủ trình.

5. Quyết định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách nhà nước và được sửa đổi, bổ sung định kỳ 05 năm hoặc do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

6. Giám sát việc thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lĩnh vực tài chính - ngân sách.

7. Đình chỉ việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về lĩnh vực tài chính - ngân sách trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội tại kỳ họp gần nhất quyết định việc bãi bỏ các văn bản đó.

8. Bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về lĩnh vực tài chính - ngân sách trái với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

9. Bãi bỏ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về lĩnh vực tài chính - ngân sách trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

16. Hỏi: Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội như thế nào?

Đáp: Điều 21 Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội như sau:

1. Thẩm tra dự án luật, nghị quyết, pháp lệnh và các báo cáo, dự án khác về lĩnh vực tài chính - ngân sách do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao.

2. Chủ trì thẩm tra dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, phương án điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước, báo cáo về thực hiện ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách nhà nước do Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Thẩm tra các chế độ chi ngân sách quan trọng, phạm vi ảnh hưởng rộng, liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước do Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Giám sát việc thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lĩnh vực tài chính - ngân sách; giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước và chính sách tài chính - ngân sách.

5. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, văn bản quy phạm pháp luật liên tịch giữa các cơ quan có thẩm quyền ở trung ương về lĩnh vực tài chính - ngân sách.

6. Kiến nghị các vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân sách.

17. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội như thế nào?

Đáp: Điều 22 Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội như sau:

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội, các cơ quan có liên quan của Chính phủ để thẩm tra dự án luật, nghị quyết, pháp lệnh, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân

bổ ngân sách trung ương, báo cáo về tình hình thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước và các dự án, báo cáo khác về lĩnh vực tài chính - ngân sách được phân công phụ trách do Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Giám sát việc thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tài chính - ngân sách; giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước và chính sách tài chính - ngân sách trong lĩnh vực phụ trách.

3. Kiến nghị các vấn đề về tài chính - ngân sách trong lĩnh vực phụ trách.

18. Hỏi: Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước như thế nào?

Đáp: Điều 23 Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước như sau:

1. Thực hiện kiểm toán ngân sách nhà nước và báo cáo kết quả kiểm toán với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; gửi báo cáo kiểm toán cho Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và cơ quan khác có liên quan theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước.

2. Trình Quốc hội báo cáo kiểm toán quyết toán ngân sách nhà nước để Quốc hội xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.

3. Tham gia với Ủy ban Kinh tế và Tài chính, cơ quan khác của Quốc hội, Chính phủ trong việc xem xét, thẩm tra báo cáo về dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, phương án điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

4. Trình ý kiến của Kiểm toán nhà nước để Quốc hội xem xét, quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, phương án điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

19. Hỏi: Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước như thế nào?

Đáp: Điều 24 Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước như sau:

1. Công bố luật, pháp lệnh về lĩnh vực tài chính - ngân sách.

2. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do Hiến pháp và pháp luật quy định trong việc tiến hành đàm phán, ký kết, quyết định phê chuẩn hoặc trình Quốc hội phê chuẩn điều ước quốc tế về lĩnh vực tài chính - ngân sách.

3. Yêu cầu Chính phủ họp bàn về hoạt động tài chính - ngân sách khi cần thiết.

20. Hỏi: Pháp luật quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ đối về ngân sách nhà nước như thế nào?

Đáp: Điều 25. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ như sau:

1. Trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự án luật, nghị quyết, pháp lệnh và các báo cáo, dự án khác về lĩnh vực tài chính - ngân sách; ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tài chính - ngân sách theo thẩm quyền.

2. Lập và trình Quốc hội kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia.

3. Lập và trình Quốc hội dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương hằng năm; dự toán điều chỉnh ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật này.

4. Điều chỉnh dự toán thu, chi của một số Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại khoản 2 Điều 54 của Luật này⁷.

5. Quyết định sử dụng tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách trung ương và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội kết quả thực hiện, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 61 của Luật này⁸.

⁷ 2. Chính phủ quyết định điều chỉnh dự toán thu, chi của một số Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nhưng không làm tăng tổng mức vay, bội chi ngân sách nhà nước, định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau đây:

a) Số thu dự kiến tăng hoặc không đạt so với dự toán cần phải điều chỉnh nhiệm vụ chi so với dự toán được Quốc hội quyết định;
b) Điều chỉnh cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên hoặc điều chỉnh các lĩnh vực chi đã được Quốc hội quyết định;
c) Có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh hoặc vì lý do khách quan cần phải điều chỉnh;
d) Điều chỉnh mức vay, bội chi ngân sách giữa các địa phương bảo đảm trong tổng mức vay, bội chi ngân sách địa phương đã được Quốc hội quyết định.

⁸ 2. Kết thúc năm ngân sách, số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách được sử dụng cho các nội dung sau đây:

a) Giảm bội chi, tăng chi trả nợ, bao gồm trả nợ gốc và lãi;
b) Bổ sung tăng dự phòng ngân sách trong phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này và tăng quỹ dự trữ tài chính trong phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này;
c) Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương;

6. Thống nhất quản lý ngân sách nhà nước, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý ngành và địa phương trong việc thực hiện ngân sách nhà nước.

7. Quyết định các giải pháp và tổ chức điều hành thực hiện ngân sách nhà nước được Quốc hội quyết định; kiểm tra việc thực hiện ngân sách nhà nước; báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tình hình thực hiện ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

8. Báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tài chính - ngân sách khi có yêu cầu.

9. Quy định quy trình, thủ tục lập dự toán, phân bổ ngân sách; bổ sung dự toán ngân sách trong năm; thu nộp, kiểm soát, thanh toán chi ngân sách, quyết toán ngân sách; ứng trước dự toán ngân sách năm sau; sử dụng dự phòng ngân sách; sử dụng quỹ dự trữ tài chính và các quỹ tài chính khác của Nhà nước theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

10. Quyết định những chế độ chi ngân sách quan trọng, phạm vi ảnh hưởng rộng, liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của cả nước sau khi xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

11. Quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách thực hiện thống nhất trong cả nước, không bao gồm chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi của ngành, lĩnh vực; đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, để phù hợp đặc điểm của địa phương, quy định khung và giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể, trừ trường hợp có quy định khác của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

12. Xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định làm căn cứ xây dựng dự toán, phân bổ ngân sách cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và các địa phương.

d) Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng;

đ) Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội;

e) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Chính phủ quyết định sử dụng số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách trung ương và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội kết quả thực hiện, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Ủy ban nhân dân quyết định sử dụng số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách cấp mình và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp kết quả thực hiện, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

13. Hướng dẫn, kiểm tra Hội đồng nhân dân trong việc thực hiện văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; kiểm tra tính hợp pháp văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính – ngân sách theo quy định của pháp luật.

14. Lập và trình Quốc hội quyết toán ngân sách nhà nước, quyết toán các chương trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

15. Quy định cụ thể điều kiện được bội chi ngân sách địa phương để bảo đảm phù hợp với khả năng trả nợ của địa phương và tổng mức bội chi chung của ngân sách nhà nước.

16. Quy định việc quản lý khoản tài trợ, đóng góp tự nguyện; khoản viện trợ không hoàn lại cho Nhà nước, Chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương.

17. Quy định việc ngân sách nhà nước hỗ trợ các tổ chức xã hội thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao.

18. Quy định việc sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác.

19. Quy định việc thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

21. Hỏi: Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ về ngân sách nhà nước như thế nào?

Đáp: Điều 26. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ như sau:

1. Quy định về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm sau.

2. Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, quyết định giao:

a) Nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương; chi đầu tư phát triển chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chi thường xuyên chi tiết theo từng lĩnh vực;

b) Nhiệm vụ thu, chi, bội chi, vay và mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo nội dung quy định tại các

điểm a, b, c và d khoản 4, điểm c khoản 5 Điều 19 của Luật này⁹; chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Quyết định phân bổ chi tiết đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại điểm a khoản 5 Điều 19 của Luật này¹⁰ bảo đảm kịp thời, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, định kỳ hằng quý báo cáo Chính phủ để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

4. Quyết định sử dụng dự phòng ngân sách trung ương theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này¹¹.

22. Hỏi: Pháp luật quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính về ngân sách nhà nước như thế nào?

Đáp: Điều 27. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính như sau:

1. Trình Chính phủ dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lĩnh vực tài chính – ngân sách, kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn và các báo cáo, dự án khác về lĩnh vực tài chính - ngân sách; ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tài chính - ngân sách theo thẩm quyền.

2. Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách nhà nước; các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, cơ chế quản lý tài chính -

⁹ Điểm a, b, c, d khoản 4 Điều 19:

a) Tổng số thu ngân sách nhà nước bao gồm thu nội địa, thu dầu thô, thu từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu, thu viện trợ không hoàn lại;

b) Tổng số chi ngân sách nhà nước bao gồm chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương; chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính; dự phòng ngân sách;

c) Bội chi ngân sách nhà nước bao gồm bội chi ngân sách trung ương và bội chi ngân sách địa phương, chi tiết từng địa phương; nguồn bù đắp bội chi ngân sách nhà nước;

d) Tổng mức vay của ngân sách nhà nước bao gồm vay để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước và vay để trả nợ gốc của ngân sách nhà nước;

Điểm c khoản 5 Điều 19. Mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng địa phương bao gồm bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu.

¹⁰ điểm a khoản 5 Điều 19: Tổng số chi ngân sách trung ương bao gồm các khoản đã phân bổ chi tiết và các khoản chưa phân bổ chi tiết; chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính; dự phòng ngân sách;

¹¹ Khoản 2 Điều 10. Dự phòng ngân sách nhà nước được sử dụng để:

a) Chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh; chi dự trữ quốc gia; nhiệm vụ đối ngoại đột xuất, cấp bách của Nhà nước; chia sẻ phần giảm doanh thu đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán;

b) Chi hỗ trợ cho ngân sách cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này;

c) Chi hỗ trợ địa phương khác theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 9 của Luật này.

¹¹ Khoản 1 Điều 28. Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành chế

ngân sách, pháp luật về kế toán, thanh toán, quyết toán, mục lục ngân sách nhà nước, chế độ báo cáo, công khai tài chính - ngân sách trình Chính phủ quy định hoặc quy định theo phân cấp của Chính phủ để thi hành thống nhất trong cả nước.

3. Quyết định ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đối với từng ngành, lĩnh vực sau khi thống nhất với bộ quản lý ngành, lĩnh vực; trường hợp không thống nhất, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến trước khi quyết định. Riêng đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này¹².

4. Tổng hợp, lập, trình Chính phủ dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương; dự toán điều chỉnh ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước.

5. Tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phương án phân bổ chi tiết đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại khoản 3 Điều 26 của Luật này¹³.

6. Quyết định giao chi tiết nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và chi tiết nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành cho từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

7. Tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước; thống nhất quản lý và chỉ đạo công tác thu thuế, phí, lệ phí, các khoản vay và thu khác của ngân sách, các khoản viện trợ quốc tế; tổ chức thực hiện chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán được giao.

8. Chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sử dụng dự phòng ngân sách trung ương theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Luật này¹⁴.

9. Chủ trì xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm; kế hoạch vay, trả nợ công hằng năm.

10. Kiểm tra các quy định về tài chính - ngân sách của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

¹² Khoản 1 Điều 28. Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

¹³ Khoản 3 Điều 26. Quyết định phân bổ chi tiết đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại điểm a khoản 5 Điều 19 của Luật này bảo đảm kịp thời, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, định kỳ hằng quý báo cáo Chính phủ để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

¹⁴ Khoản 4 Điều 26. Quyết định sử dụng dự phòng ngân sách trung ương theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này.

trường hợp quy định trong các văn bản đó trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên thì kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

11. Kiểm tra tài chính - ngân sách, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm về chế độ quản lý tài chính - ngân sách của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương, tổ chức kinh tế, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và đối tượng khác có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và sử dụng ngân sách nhà nước.

12. Quản lý quỹ ngân sách nhà nước, quỹ dự trữ nhà nước, ngân quỹ nhà nước và các quỹ khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

13. Tổng hợp, đánh giá hiệu quả chi ngân sách nhà nước trên cơ sở báo cáo đánh giá của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương.

14. Thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 15 của Luật này¹⁵.

¹⁵ Điều 15. Công khai ngân sách nhà nước

1. Dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; kế hoạch tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch tài chính và quyết toán tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được công khai theo quy định sau đây:

a) Nội dung công khai:

Các cấp ngân sách công khai số liệu và báo cáo thuyết minh các tài liệu ngân sách (trừ số liệu chi tiết, báo cáo thuyết minh thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trữ quốc gia và các tài liệu, số liệu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) bao gồm: dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách, dự kiến kế hoạch tài chính năm của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách đã được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật này; tình hình thực hiện ngân sách nhà nước (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm); quyết toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn.

Các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí khác (nếu có); tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm); quyết toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách công khai kế hoạch tài chính đã được cấp có thẩm quyền giao, tình hình thực hiện kế hoạch tài chính (6 tháng, năm) và quyết toán tài chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Các chương trình, dự án đầu tư công thực hiện công khai theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Việc công khai được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên Cổng thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đối với các cơ quan, đơn vị có Cổng thông tin điện tử, yêu cầu bắt buộc phải công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

2. Công khai thủ tục ngân sách nhà nước:

a) Đối tượng phải thực hiện công khai bao gồm cơ quan thu ngân sách, cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước.

b) Nội dung công khai bao gồm: các quy định về quy trình, thủ tục kê khai, thu, nộp, miễn, giảm, gia hạn, hoãn, hoàn lại các khoản thu; tạm ứng, cấp phát, thanh toán ngân sách nhà nước;

23. Hỏi: Pháp luật quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp đối với ngân sách nhà nước như thế nào?

Đáp: Điều 31. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp như sau:

1. Căn cứ vào nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao và tình hình thực tế tại địa phương, quyết định:

a) Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn bao gồm thu nội địa, thu dầu thô, thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và thu viện trợ không hoàn lại; bảo đảm không thấp hơn dự toán thu ngân sách nhà nước được cấp trên giao;

b) Dự toán thu ngân sách địa phương bao gồm các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%, phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) và thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;

c) Dự toán chi ngân sách địa phương bao gồm chi ngân sách cấp mình và chi ngân sách địa phương cấp dưới, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ và chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính; dự phòng ngân sách;

d) Tổng mức vay của ngân sách địa phương bao gồm vay để bù đắp bội chi ngân sách địa phương và vay để trả nợ gốc của ngân sách địa phương.

2. Quyết định phân bổ dự toán ngân sách cấp mình:

a) Tổng số chi ngân sách bao gồm các khoản đã phân bổ chi tiết và các khoản chưa phân bổ chi tiết; chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương; dự phòng ngân sách;

b) Dự toán chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên của từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình;

c) Mức bổ sung cho ngân sách từng địa phương cấp xã, gồm bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu.

3. Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.

c) Việc công khai được thực hiện bằng các hình thức niêm yết tại nơi giao dịch và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

3. Nội dung công khai phải bảo đảm đầy đủ theo các chỉ tiêu, biểu mẫu do Bộ Tài chính quy định.

4. Các đối tượng có trách nhiệm phải thực hiện công khai theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, nếu không thực hiện công khai đầy đủ, đúng hạn thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết về công khai ngân sách nhà nước.

4. Quyết định các chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện ngân sách địa phương.

5. Quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương theo quy định tại Điều 54 của Luật này¹⁶.

6. Giám sát việc thực hiện ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết định.

7. Bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật về tài chính - ngân sách trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên theo quy định của pháp luật.

8. Quyết định danh mục các chương trình, nhiệm vụ, dự án, đối tượng đầu tư công khác thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước của ngân sách cấp mình; quyết định chương trình, dự án đầu tư quan trọng của địa phương được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

¹⁶ Điều 54. Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước

1. Chính phủ lập dự toán điều chỉnh tổng thể ngân sách nhà nước trong trường hợp có biến động làm tăng mức vay, bội chi ngân sách nhà nước so với dự toán đã phân bổ cần phải điều chỉnh, trình Quốc hội quyết định. Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về dự toán điều chỉnh và nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao, Ủy ban nhân dân các cấp lập dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

2. Chính phủ quyết định điều chỉnh dự toán thu, chi của một số Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nhưng không làm tăng tổng mức vay, bội chi ngân sách nhà nước, định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau đây:

a) Số thu dự kiến tăng hoặc không đạt so với dự toán cần phải điều chỉnh nhiệm vụ chi so với dự toán được Quốc hội quyết định;

b) Điều chỉnh cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên hoặc điều chỉnh các lĩnh vực chi đã được Quốc hội quyết định;

c) Có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh hoặc vì lý do khách quan cần phải điều chỉnh;

d) Điều chỉnh mức vay, bội chi ngân sách giữa các địa phương bảo đảm trong tổng mức vay, bội chi ngân sách địa phương đã được Quốc hội quyết định.

3. Ủy ban nhân dân các cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau đây:

a) Số thu dự kiến tăng hoặc không đạt so với dự toán cần phải điều chỉnh nhiệm vụ chi so với dự toán được Hội đồng nhân dân quyết định;

b) Điều chỉnh cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, dự toán chi được Ủy ban nhân dân giao chi tiết hoặc điều chỉnh các lĩnh vực chi đã được Hội đồng nhân dân quyết định;

c) Có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh hoặc lý do khách quan cần tăng nguồn để thực hiện các chính sách, nhiệm vụ;

d) Chính phủ quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách theo quy định tại khoản 2 Điều này;

đ) Khi cần điều chỉnh dự toán ngân sách của một số đơn vị dự toán hoặc địa phương cấp dưới.

4. Chính phủ yêu cầu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh dự toán ngân sách nếu việc bố trí ngân sách địa phương không phù hợp với nghị quyết của Quốc hội.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu Hội đồng nhân dân cấp xã điều chỉnh dự toán ngân sách nếu việc bố trí ngân sách địa phương không phù hợp với nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

a) Quyết định kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương bao gồm các nội dung: mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể của kế hoạch tài chính 05 năm; khả năng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương, bội chi ngân sách địa phương và giới hạn mức vay của ngân sách địa phương; giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch;

b) Quyết định chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương, bội chi ngân sách địa phương và nguồn bù đắp bội chi ngân sách địa phương hằng năm;

c) Nguồn trả nợ gốc vay của ngân sách địa phương;

d) Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 9 và Điều 41 của Luật này¹⁷;

đ) Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật này¹⁸ và các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã;

e) Quyết định thu phí, lệ phí và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật; được phép ban hành một số khoản thu phí, lệ phí ngoài danh mục quy định của Luật Phí và lệ phí.

Việc ban hành khoản thu phí, lệ phí ngoài danh mục quy định tại điểm này phải phù hợp với khả năng và yêu cầu phát triển của địa phương; tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp; bảo đảm sự thống nhất của thị trường, không làm cản trở lưu thông hàng hóa, dịch vụ; thực hiện điều tiết hợp lý đối với hàng hóa, dịch vụ và nguồn thu nhập hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên địa bàn địa phương;

¹⁷ - Khoản 3 Điều 9: Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và khả năng quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.

- Điều 41. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã Căn cứ vào nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Luật này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cụ thể nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, khả năng quản lý của từng địa phương.

¹⁸ 2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật này

g) Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách của ngân sách địa phương;

h) Quyết định cụ thể hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ hoặc Bộ Tài chính phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương;

i) Quyết định giao Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành chế độ chi ngân sách phù hợp với khả năng quản lý và khả năng cân đối của ngân sách cấp xã;

k) Quy định về việc thường vượt thu so với dự toán từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã;

l) Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương;

m) Quyết định chi viện trợ.

10. Chính phủ quy định chi tiết các điểm h, l và m khoản 9 Điều này.

24. Hỏi: Pháp luật quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp về ngân sách nhà nước như thế nào?

Đáp: Điều 32. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp như sau:

1. Lập dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp mình theo các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 31 của Luật này; dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trong các trường hợp quy định tại Điều 54 của Luật này, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan tài chính cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính dự toán ngân sách địa phương, dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp mình.

2. Lập quyết toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn.

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan tài chính cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính quyết toán ngân sách địa phương.

3. Quyết định phương án sử dụng tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách cấp mình, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp kết quả thực hiện, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 61 của Luật này.

4. Kiểm tra nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp dưới về lĩnh vực tài chính - ngân sách.

5. Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, quyết định giao:

a) Nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc; chi đầu tư phát triển chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chi thường xuyên chi tiết theo từng lĩnh vực;

b) Nhiệm vụ thu, chi, mức bổ sung cho ngân sách cấp dưới và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã đối với các khoản thu phân chia; chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

6. Điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 54 của Luật này.

7. Phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 của Luật này¹⁹ và dự toán kinh phí do ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu trong năm bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

8. Quyết định các giải pháp và tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân quyết định; kiểm tra, báo cáo việc thực hiện ngân sách địa phương.

9. Phối hợp với các cơ quan nhà nước cấp trên trong việc quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn.

10. Báo cáo, công khai ngân sách nhà nước theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật khác có liên quan.

¹⁹ a) Tổng số chi ngân sách bao gồm các khoản đã phân bổ chi tiết và các khoản chưa phân bổ chi tiết; chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương; dự phòng ngân sách;

11. Thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ.

12. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Hội đồng nhân dân giao. Quyết định một số chế độ chi ngân sách cấp bách phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất;

b) Lập và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại khoản 9 Điều 31 của Luật này²⁰;

c) Quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính và các quỹ tài chính khác của Nhà nước theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật khác có liên quan.

²⁰ 9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Quyết định kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương bao gồm các nội dung: mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể của kế hoạch tài chính 05 năm; khả năng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương, bội chi ngân sách địa phương và giới hạn mức vay của ngân sách địa phương; giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch;

b) Quyết định chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương, bội chi ngân sách địa phương và nguồn bù đắp bội chi ngân sách địa phương hằng năm;

c) Nguồn trả nợ gốc vay của ngân sách địa phương;

d) Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 9 và Điều 41 của Luật này;

đ) Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật này và các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã;

e) Quyết định thu phí, lệ phí và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật; được phép ban hành một số khoản thu phí, lệ phí ngoài danh mục quy định của Luật Phí và lệ phí.

Việc ban hành khoản thu phí, lệ phí ngoài danh mục quy định tại điểm này phải phù hợp với khả năng và yêu cầu phát triển của địa phương; tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp; bảo đảm sự thống nhất của thị trường, không làm cản trở lưu thông hàng hóa, dịch vụ; thực hiện điều tiết hợp lý đối với hàng hóa, dịch vụ và nguồn thu nhập hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên địa bàn địa phương;

g) Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách của ngân sách địa phương;

h) Quyết định cụ thể hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ hoặc Bộ Tài chính phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương;

i) Quyết định giao Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành chế độ chi ngân sách phù hợp với khả năng quản lý và khả năng cân đối của ngân sách cấp xã;

k) Quy định về việc thương vượt thu so với dự toán từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã;

l) Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương;

m) Quyết định chi viện trợ.

13. Chỉ đạo cơ quan tài chính địa phương chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều này.

14. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách, giải trình với cơ quan chức năng khi được yêu cầu và chịu trách nhiệm về những sai sót, sai phạm thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

25. Hỏi: Nguồn thu của ngân sách trung ương gồm những khoản nào?

Đáp: Điều 36. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nguồn thu của ngân sách trung ương gồm những khoản thu như sau:

1. Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% bao gồm:
 - a) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế nhập khẩu bổ sung;
 - b) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;
 - c) Thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà và các khoản thu khác từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
 - d) Viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân nước ngoài cho Nhà nước, Chính phủ Việt Nam;
 - đ) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước trung ương thực hiện. Các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;
 - e) Lệ phí do các cơ quan nhà nước trung ương thu, trừ lệ phí trước bạ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 38 của Luật này²¹;
 - g) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trung ương thực hiện;
 - h) Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;
 - i) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách trung ương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công

²¹ e) Lệ phí trước bạ;

ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức được Chính phủ giao là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ là cơ quan đại diện chủ sở hữu; chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sau khi trừ khoản dự phòng rủi ro và trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật;

- k) Thu từ quỹ dự trữ tài chính trung ương;
- l) Thu kết dư ngân sách trung ương;
- m) Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách trung ương;
- n) Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu;
- o) Thu từ nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ ở nước ngoài;
- p) Thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện;
- q) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương bao gồm:

- a) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu);
- b) Thuế thu nhập cá nhân;
- c) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;
- d) Thuế bảo vệ môi trường;
- đ) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp phép thực hiện phân chia: Ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách địa phương hưởng 30%;
- e) Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng) thực hiện phân chia: Ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách các địa phương hưởng 30%. Việc phân chia cho từng

địa phương trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí trong từng giai đoạn do Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định;

g) Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý quy định tại điểm h khoản 1 Điều này, các địa phương không nhận bổ sung cân đối, ngân sách trung ương hưởng 20%; ngân sách địa phương hưởng 80%. Các địa phương nhận bổ sung cân đối, ngân sách trung ương hưởng 15%; ngân sách địa phương hưởng 85%;

3. Chính phủ xây dựng phương án tỷ lệ cụ thể phân chia từng khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, tỷ lệ được ổn định lâu dài để chủ động ngân sách địa phương, trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Trong trường hợp có biến động lớn về thu, chi ngân sách nhà nước hoặc có chênh lệch lớn về số thu, chi ngân sách nhà nước giữa các địa phương cần phải điều chỉnh tỷ lệ phân chia các khoản thu cho phù hợp, Chính phủ xây dựng lại phương án tỷ lệ phân chia các khoản thu quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và g khoản 2 Điều này, trình Quốc hội xem xét, quyết định.

26. Hỏi: Pháp luật quy định nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương như thế nào?

Đáp: Điều 37. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương như sau:

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Đầu tư công;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh do Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của trung ương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của trung ương theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi dự trữ quốc gia.

3. Chi thường xuyên của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương được phân cấp trong các lĩnh vực:

- a) Quốc phòng;
- b) An ninh và trật tự, an toàn xã hội;
- c) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;
- d) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
- đ) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;
- e) Sự nghiệp văn hóa thông tin;
- g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn;
- h) Sự nghiệp thể dục, thể thao;
- i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;
- k) Các hoạt động kinh tế;

l) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật;

- m) Chi bảo đảm xã hội;
- n) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

4. Chi trả nợ lãi các khoản do Chính phủ vay.

5. Chi viện trợ theo quy định của Chính phủ.

6. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ.

7. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính trung ương.

8. Chi chuyển nguồn của ngân sách trung ương sang năm sau.

9. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

27. Hỏi: Pháp luật quy định những nguồn thu của ngân sách địa phương như thế nào?

Đáp: Điều 38. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nguồn thu của ngân sách địa phương bao gồm:

- 1. Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% bao gồm:

a) Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

d) Tiền cho thuê mặt nước, tiền sử dụng khu vực biển;

đ) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

e) Lệ phí trước bạ;

g) Thu từ hoạt động xổ số;

h) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu;

i) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;

k) Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

l) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân nước ngoài trực tiếp cho chính quyền địa phương;

m) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

n) Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu;

o) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của địa phương cấp phép;

p) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện;

q) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

r) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

s) Thu kết dư ngân sách địa phương;

t) Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang;

u) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật này²².

3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

28. Hỏi: Pháp luật quy định nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương như thế nào?

Đáp: Điều 39. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương như sau:

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do địa phương quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 của Luật này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật;

²² 2. Các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương bao gồm:

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu);

b) Thuế thu nhập cá nhân;

c) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;

d) Thuế bảo vệ môi trường;

đ) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp phép thực hiện phân chia: Ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách địa phương hưởng 30%;

e) Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng) thực hiện phân chia: Ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách các địa phương hưởng 30%. Việc phân chia cho từng địa phương trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí trong từng giai đoạn do Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định;

g) Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý quy định tại điểm h khoản 1 Điều này, các địa phương không nhận bổ sung cân đối, ngân sách trung ương hưởng 20%; ngân sách địa phương hưởng 80%. Các địa phương nhận bổ sung cân đối, ngân sách trung ương hưởng 15%; ngân sách địa phương hưởng 85%;

c) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương;

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân cấp trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;

b) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội phân giao địa phương quản lý; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách trung ương;

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin;

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

g) Sự nghiệp thể dục, thể thao;

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

i) Các hoạt động kinh tế;

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật;

l) Chi bảo đảm xã hội;

m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.

5. Chi viện trợ theo quy định của Chính phủ.

6. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ.

7. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương.

8. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 của Luật này.

29. Hỏi: Các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước được bố trí từ hai nguồn chi đầu tư công và chi thường xuyên như thế nào?

Đáp: Điều 40. Luật ngân sách nhà nước năm 2025 quy định các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước được bố trí từ hai nguồn chi đầu tư công và chi thường xuyên như sau:

1. Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, trưng dụng đất; chuẩn bị giải phóng mặt bằng, giải phóng mặt bằng.
2. Chi phí chuẩn bị, phê duyệt dự án đầu tư công sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.
3. Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án.
4. Mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.
5. Hoạt động quy hoạch.
6. Các nhiệm vụ cần thiết khác.
7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 41. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã

Căn cứ vào nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Luật này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cụ thể nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, khả năng quản lý của từng địa phương.

Câu 30. Luật ngân sách Nhà nước năm 2025 quy định căn cứ lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm như thế nào?

Đáp: Điều 44 Luật ngân sách Nhà nước năm 2025 quy định căn cứ lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm như sau:

1. Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bình đẳng giới.

2. Chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương.

3. Quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách; định mức phân bổ ngân sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước.

4. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia và mức bổ sung cân đối ngân sách của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

5. Văn bản pháp luật của các cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau.

6. Kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước.

7. Tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm trước./.

NGƯỜI BIÊN SOẠN

**NGƯỜI KIỂM TRA, SỬA CHỮA,
BIÊN TẬP TỔNG THỂ
TRƯỞNG PHÒNG**

**LÃNH ĐẠO DUYỆT
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Xuân Dũng

Phạm Thị Việt

Vũ Thị Như Trang

Nơi nhận:

- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, PBGDPL (ĐX.Dũng)